

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LÂM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2021

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hồng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đào Thị Minh

2. Bà Nguyễn Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 478/2020/TLST – HNGĐ ngày 14/12/2020 về tranh chấp: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh NVH, sinh năm 1987; HKTT: Thôn 8, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; nơi ở: Thôn 2, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- *Bị đơn:* Chị NTD, sinh năm 1992; HKTT: Thôn 8, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; nơi ở: Thôn 9, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, anh Hồng trình bày:* NVH kết hôn với chị NTD trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2009 tại UBND xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 8, Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội cùng bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Viết Hòa và bà Nguyễn Thị Minh. Đến năm 2017 thì vợ chồng chuyển ra ở riêng tại nhà khác của bố mẹ ở thôn 2, xã Ninh Hiệp. Năm 2017 thì bắt đầu xảy ra

nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hòa hợp về tình cảm, quan điểm sống, quan điểm nuôi dạy con cái nên trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai.

Nay anh xác định không còn tình cảm với NTD. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu NVH, sinh ngày 19/3/2013, cháu NHN, sinh ngày 20/3/2011 và cháu NHN, sinh ngày 27/11/2018. Hiện nay, cả ba cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn NVH có nguyện vọng nuôi cháu NVH và cháu NHN, NTD nuôi cháu NHN. Không bên nào phải cấp dưỡng. NVH đang làm nghề lái xe, thu nhập ổn định bình quân khoảng 20 triệu đồng/tháng. Hiện nay, NVH đang ở nhà riêng của bố mẹ. Anh có đủ khả năng để chăm sóc và nuôi dạy các con. Tại phiên tòa anh đề nghị Tòa giao cả 03 cháu cho NTD nuôi dưỡng vì các cháu hiện đang ở với mẹ, NVH thường đi làm xa không bảo đảm việc nuôi dạy con chung. Anh tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000đồng/01 cháu/tháng.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chị NTD không gửi văn bản nêu ý kiến của mình.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm:*Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành quy định pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho NVH được ly hôn với NTD; về con chung: Giao 03 cháu NVH, sinh ngày 19/3/2013, cháu NHN, sinh ngày 20/3/2011 và cháu NHN, sinh ngày 27/11/2018 cho NTD nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của NVH cấp dưỡng nuôi con chung cho NTD 3.000.000đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do bị đơn có nơi cư trú tại xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

NTD vắng mặt lần hai nên căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt NTD.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Năm 2019 vợ chồng đã cắt đứt hẳn quan hệ tình cảm, sinh lý và ly thân nhau từ đó cho đến nay. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của NVH với

NTD là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung vợ chồng:

Xét nguyện vọng của hai cháu (cháu NVH, cháu NHN) xin ở với mẹ, cháu NHN thì còn nhỏ lại là gái; mặt khác NVH tại phiên tòa cũng đề nghị Tòa án giao 03 cháu cho NTD nuôi dưỡng. Thực tế NTD vẫn nuôi dưỡng 03 cháu ổn định, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho các cháu như nuôi dưỡng, giáo dục và học tập nên giao cho NTD nuôi cả 03 cháu là phù hợp. NVH tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi cháu 3.000.000đồng/tháng là phù hợp với thực tế nên chấp nhận là có căn cứ.

[4]. Về tài sản chung vợ chồng: NVH không yêu cầu giải quyết, NTD không có ý kiến gì về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: NVH phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh NVH được ly hôn với chị NTD.
2. Về con chung: Giao cháu NVH, sinh ngày 19/3/2013; cháu NHN, sinh ngày 20/3/2011 và cháu NHN, sinh ngày 27/11/2018 cho chị NTD nuôi dưỡng. Anh NVH cấp dưỡng nuôi con chung cho NTD 3.000.000đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

NVH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: NVH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0005693 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, NVH phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: NVH có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;NTD có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP. Hà Nội;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu:Hồ sơ vụ án;
- Lưu:Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hồng Quang**